

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ PHẠM VI HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU
CHUẨN TCVN ISO 9001:2015 TẠI UBND HUYỆN ĐAK ĐOA**

Căn cứ vào bộ thủ tục hành chính được UBND tỉnh Gia Lai công bố và nhu cầu giải quyết hồ sơ cho tổ chức và công dân, Lãnh đạo UBND huyện Đak Đoa xác định xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 với phạm vi như sau:

- 1/. Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng cho hoạt động trong cơ quan, bao gồm:
Lãnh đạo UBND huyện và các bộ phận chuyên môn của UBND huyện.
- 2/. Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng cho 32 lĩnh vực với 279 thủ tục hành chính thể hiện ở phụ lục đính kèm.
- 3/. Hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan áp dụng đáp ứng tất cả các điều khoản của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (*ngoại trừ điều khoản 8.3 – thiết kế và phát triển sản phẩm, dịch vụ và điều khoản 7.1.5 – các nguồn lực theo dõi và đo lường, điều khoản 8.5.1f – xác nhận giá trị sử dụng và xác nhận lại giá trị sử dụng*).

Đak Đoa, ngày ... tháng ... năm 2020

CHỦ TỊCH



Phạm Minh Trung

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
I. Lĩnh vực Tư pháp		
1.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT CT-01
2.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.	QT CT-02
3.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT CT-03
4.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT CT-04
5.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT CT-05
6.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT CT-06
7.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT CT-07
8.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT CT-08
9.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT CT-09
10.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT CT-10
11.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT CT-11
12.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT CT-12
13.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT TPHT-01
14.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT TPHT-02
15.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT TPHT-03
16.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT TPHT-04
17.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT TPHT-05
18.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT TPHT-06
19.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT TPHT-07
20.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT TPHT-08
21.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT TPHT-09
22.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt	QT TPHT-10

	Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
23.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT TPHT-11
24.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT TPHT-12
25.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT TPHT-13
26.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT TPHT-14
27.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT TPHT-15
28.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT TPHT-16
29.	Yêu cầu trợ giúp pháp lý tại Chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý (Thủ tục bổ sung)	QT TGPL-01
30.	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý tại Chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý (Thủ tục bổ sung)	QT TGPL-02
31.	Đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý tại Chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý (Thủ tục bổ sung)	QT TGPL-03
II. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật		
32.	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện	QT PBPL-01
33.	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện	QT PBPL-02
III. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước		
34.	Phục hồi danh dự	QT BTNN-01
35.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	QT BTNN-02
IV. Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở		
36.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT HGCS-01
V. Lĩnh vực thi đua, khen thưởng		
37.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT TĐKT-01
38.	Thủ tục tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến	QT TĐKT-02
39.	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	QT TĐKT-03
40.	Thủ tục tặng danh hiệu lao động tiên tiến	QT TĐKT-04
41.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng thành tích theo đợt, chuyên đề	QT TĐKT-05
42.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích	QT TĐKT-06

	đột xuất	
43.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về khen thưởng đối ngoại	QT TĐKT-07
44.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện cho gia đình	QT TĐKT-08
VI. Lĩnh vực Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập & Tổ chức phi chính phủ		
45.	Thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT TCBC-01
46.	Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT TCBC-02
47.	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT TCBC-03
48.	Công nhận ban vận động thành lập hội	QT TCBC-04
49.	Thành lập Hội	QT TCBC-05
50.	Phê duyệt điều lệ Hội	QT TCBC-06
51.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT TCBC-07
52.	Đổi tên Hội	QT TCBC-08
53.	Hội tụ giải thể	QT TCBC-09
54.	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT TCBC-11
55.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT TCBC-12
56.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT TCBC-13
57.	Công nhận thay đổi bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	QT TCBC-14
58.	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	QT TCBC-15
59.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT TCBC-16
60.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT TCBC-17
61.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, quỹ	QT TCBC-18
62.	Đổi tên quỹ	QT TCBC-19
63.	Quỹ tự giải thể	QT TCBC-20
VII. Lĩnh vực Tôn giáo		
64.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	QT TG-01
65.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT TG-02
66.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT TG-03

67.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT TG-04
68.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT TG-05
69.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT TG-06
70.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT TG-07
71.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT TG-08
VIII. Lĩnh vực Công chức, viên chức		
72.	Thủ tục tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (Thủ tục hành chính đặc thù của tinh ban hành)	QT CCVC-01
IX. Khiếu nại tố cáo		
73.	Xử lý đơn tại cấp huyện	QT KNTC-01
74.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT KNTC-02
75.	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	QT KNTC-03
76.	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT KNTC-04
77.	Tiếp công dân tại cấp huyện	QT KNTC-05
X. Lĩnh vực Văn hóa		
78.	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT VH-01
79.	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	QT VH-02
80.	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	QT VH-03
81.	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT VH-04
82.	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT VH-05
83.	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT VH-06
84.	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT VH-07
85.	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT VH-08
86.	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT VH-09
87.	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	QT VH-10

88.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	QT VH-11
89.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	QT VH-12
90.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT VH-13
91.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT VH-14
92.	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT VH-15
93.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT VH-16
94.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT VH-17
95.	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT VH-18
XI. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo		
96.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường THCS tư thục	QT GDĐT-01
97.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT GDĐT-02
98.	Cho phép trường trung học sơ sở hoạt động trở lại	QT GDĐT-03
99.	Sát nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT GDĐT-04
10.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT GDĐT-05
10.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT GDĐT-06
10.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT GDĐT-07
10.	Sáp nhập, chia, tách trường PTDT bán trú	QT GDĐT-08
10.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT GDĐT-09
10.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT GDĐT-10
10.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT GDĐT-11
10.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT GDĐT-12
10.	Sáp nhập, chi tách trường tiểu học	QT GDĐT-13

10	Giải thể trường tiểu học(theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT GDĐT-14
11	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT GDĐT-15
11	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT GDĐT-16
11	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	QT GDĐT-17
11	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT GDĐT-18
11	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT GDĐT-19
11	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục BGD-GLA-285379	QT GDĐT-20
11	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT GDĐT-21
11	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT GDĐT-22
11	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT GDĐT-23
11	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT GDĐT-24
12	Quy trình đánh giá, xếp loại “ Cộng đồng học tập” cấp xã	QT GDĐT-25
12	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	QT GDĐT-26
12	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	QT GDĐT-27
12	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	QT GDĐT-28
12	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT GDĐT-29
12	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	QT GDĐT-30
12	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT GDĐT-31
12	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT GDĐT-32
12	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT GDĐT-33
12	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trong trung học cơ sở	QT GDĐT-34

13	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT GDĐT-35
13	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở	QT GDĐT-36
13	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	QT GDĐT-37
13	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT GDĐT-38
13	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	QT GDĐT-39
13	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	QT GDĐT-40
XII. Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội		
13	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT NCC-01
13	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT NCC-02
13	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chính hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT NCC-03
13	Thủ tục giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng	QT NCC-04
14	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày	QT NCC-05
14	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	QT TLBL-01
14	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT TCLĐ-01
14	Tro giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT BTXH-01
14	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT BTXH-02
14	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	QT BTXH-03
14	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT BTXH-04
14	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT BTXH-05
14	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT BTXH-06
14	Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đổi tương thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT BTXH-07
15	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đổi tương thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT BTXH-08
15	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối	QT BTXH-09

	<u>tương bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)</u>	
15.	<u>Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng</u>	QT BTXH-10
15.	<u>Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp</u>	QT BTXH-11
15.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT BTXH-12
15.	Thủ tục “Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện”	QT BTXH-13
15.	Thủ tục “Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện”	QT BTXH-14
15.	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (cấp huyện)	QT BTXH-15
15.	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (cấp huyện)	QT BTXH-16
XIII. Lĩnh vực Viễn thông Internet		
15.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT VTI-01
16.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT VTI -02
16.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT VTI -03
16.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng do bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	QT VTI -04
XIV. Lĩnh vực Xuất bản		
16.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-XB-01
16.	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-XB-02
XV. Lĩnh vực Dân tộc		
16.	Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020	QT DT-01
16.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT DT-02
16.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT DT-03
XVI. Lĩnh vực đất đai		
16.	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	QT ĐĐ-01

16	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT ĐĐ-02
17	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT ĐĐ-03
17	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình cá nhân	QT ĐĐ-04
17	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT ĐĐ-05
17	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp nhà nước giao đất để quản lý	QT ĐĐ-06
17	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT ĐĐ-07
17	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi do xác định lại diện tích đất ở trong thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở; thay đổi vệ hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	QT ĐĐ-08
17	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	QT ĐĐ-09
17	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT ĐĐ-10
17	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT ĐĐ-11
17	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	QT ĐĐ-12
18	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QT ĐĐ-13
18	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	QT ĐĐ-14
18	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QT ĐĐ-15
18	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT ĐĐ-16
18	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT ĐĐ-17
18	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT ĐĐ-18
18	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất	QT ĐĐ-19

	mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
18	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	QT ĐĐ-20
18	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	QT ĐĐ-21
18	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng, tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất đã có Giấy Chứng nhận	QT ĐĐ-22
19	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT ĐĐ-23
19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thuê đất, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án, chia tách, hợp nhất hoặc phân chi quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.	QT ĐĐ-24
19	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT ĐĐ-25
19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc cấp lại Trang bổ sung Giấy chứng nhận do bị mất	QT ĐĐ-26
19	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QT ĐĐ-27
19	Thủ tục thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất	QT ĐĐ-28
19	Thủ tục thu hồi đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn	QT ĐĐ-29
XVII. Lĩnh vực Môi trường		
19	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT MT-01
19	Đăng ký/d Đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	QT MT-02
XVIII. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng		

19	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT QHXD-01
20	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT QHXD-02
XIX. Lĩnh vực xây dựng		
20	Cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng	QT XD-01
20	Cấp giấy phép xây dựng công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế	QT XD-02
20	Cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo	QT XD-03
20	Cấp giấy phép xây dựng công trình đối với công trình theo tuyến trong đô thị theo giai đoạn	QT XD-03
20	Cấp giấy phép xây dựng công trình theo dự án	QT XD-04
20	Cấp giấy phép xây dựng công trình có thời hạn	QT XD-05
20	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình không theo tuyến	QT XD-06
20	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến trong đô thị	QT XD-07
20	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình/ nhà ở riêng lẻ	QT XD-08
21	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình	QT XD-09
21	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ	QT XD-10
21	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	QT XD-11
21	Cấp lại giấy phép xây dựng	QT XD-12
21	Gia hạn giấy phép xây dựng	QT XD-13
21	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	QT XD-14
21	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện theo phân cấp	QT XD-15
21	Cấp giấy phép quy hoạch cho dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	QT XD-16
XX. Lĩnh vực Quản lý đô thị		
21	Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động - trạm BTS loại 1	QT QLĐT-01
21	Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động - trạm BTS loại 2	QT QLĐT-02

22	Cấp giấy chứng nhận số nhà	QT QLĐT-03
22	Cấp giấy phép quy hoạch	QT QLĐT-04
22	Thẩm định nhiệm vụ - dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)	QT QLĐT-05
22	Thẩm định đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)	QT QLĐT-06
22	Giám định hiện trạng công trình xây dựng	QT QLĐT-07
22	Phê duyệt phương án phá dỡ công trình, nhà ở riêng lẻ	QT QLĐT-08
22	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT HTĐT-01
XXI. Linh vực Đăng ký kinh doanh, Hợp tác xã		
22	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT ĐKKD-01
22	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT ĐKKD-02
22	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT ĐKKD-03
23	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT ĐKKD-04
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT ĐKKD-05
23	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT ĐKKD-06
23	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT ĐKKD-07
23	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	QT ĐKKD-08
23	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT HTX-01
23	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT HTX-02
23	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT HTX-03
23	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT HTX-04
23	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT HTX-05
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT HTX-06
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT HTX-07
24	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của	QT HTX-08

	hợp tác xã	
24	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT HTX-09
24	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT HTX-10
24	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	QT HTX-11
24	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	QT HTX-12
24	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT HTX-13
24	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT HTX-14
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT HTX-15
25	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT HTX-16
XXII. Lĩnh vực Công thương		
25	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT LTHH-01
25	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT LTHH-02
25	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT LTHH-03
25	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT LTHH-04
25	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	QT LTHH-05
25	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	QT LTHH-06
25	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	QT LTHH-07
25	Cấp giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT LTHH-08
25	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT LTHH-09
26	Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT LTHH-10
26	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT LTHH-11
26	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT LTHH-12
26	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng LPG chai	QT KDK-01

26.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT KDK-02
26.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng LPG chai	QT KDK-03
26.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT ATTĐ-01
26.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT ATTĐ-02
XXIII. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản		
26.	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	QT QLCL-01
26.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	QT QLCL - 02
27.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	QT QLCL - 03
27.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	QT QLCL - 04
XXIV. Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
27.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố	QT ATTP-01
XXV. Lĩnh vực Thủy lợi		
27.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp	QT TL-01
27.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT TL-02
27.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT TL-03

27	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn chế trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	QT TL-04
27	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	QT TL-05
XXVI. Lĩnh vực Thủy sản		
27	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT TS-01
27	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT TS-02
XXVII. Lĩnh vực Khoa học, công nghệ và Môi trường		
28	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT KNĐP-01
XXVIII. Lĩnh vực Kinh tế Hợp tác		
28	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	QT KTHT-01
28	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	QT KTHT-02
28	Hỗ trợ dự án liên kết	QT KTHT-03
XXIX. Lĩnh vực Công sản		
28	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải thành lập dự án đầu tư	QT CS-01
28	Quyết định thuê tài sản hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT CS-02
28	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	QT CS-03
28	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	QT CS-04
28	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 31 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	QT CS-05
28	Quyết định điều chuyển tài sản công	QT CS-06
29	Quyết định bán tài sản công	QT CS-07
29	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ	QT CS-08
29	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	QT CS-09
29	Quyết định thanh lý tài sản công	QT CS-10

29	Quyết định tiêu hủy tài sản công	QT CS-11
29	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại	QT CS-12
29	Tham toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	QT CS-13
29	Mua quyền hóa đơn	QT MHD-01
29	Mua hóa đơn lé	QT MHD-02
XXX. Lĩnh vực Thẩm định giá		
29	Thủ tục đăng ký giá	QT TĐG-01
30	Thủ tục kê khai giá	QT TĐG-01
XXXI. Lĩnh vực Chính quyền địa phương		
30	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	QT CQDP-01
XXXII. Chính sách hỗ trợ người dân do đại dịch Covid 19		
30	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch Covid 19	QT HTĐD-01
30	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch Covid 19	QT HTĐD-02